

**KẾT QUẢ THI NGHỀ PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 59: THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC**

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
1	827370	1	Đỗ Thị An	3	11	2003	Vĩnh Phúc	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
2	827371	1	Huỳnh Nguyễn Hoài An	24	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
3	827372	1	Lâm Trần Thuý An	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
4	827373	1	Lê Hoàng An	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
5	827374	1	Lê Thái An	10	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
6	827375	1	Nguyễn Bình An	4	1	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
7	827376	1	Nguyễn Trung An	13	3	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
8	827377	1	Phạm Hoàng An	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
9	827378	1	Trần Hồng An	14	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
10	827379	1	Trần Nhật An	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
11	827380	1	Võ Trần Hoài An	7	12	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
12	827381	1	Cao Phương Anh	10	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
13	827382	1	Đào Quỳnh Anh	17	4	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
14	827383	1	Đặng Tiến Anh	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
15	827384	1	Đinh Hoàng Quý Anh	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
16	827385	1	Đinh Vũ Huyền Anh	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
17	827386	1	Đoàn Ngọc Tuấn Anh	7	11	2003	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
18	827387	1	Đỗ Đặng Phúc Anh	11	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
19	827388	1	Đỗ Hoàng Anh	22	3	2003	Hà Tây	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.0	Hồng
20	827389	1	Đỗ Hoàng Anh	27	7	2003	Hải Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
21	827390	1	Đỗ Hoàng Anh	12	10	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
22	827391	1	Đỗ Lý Tuấn Anh	20	8	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
23	827392	1	Hoàng Tuấn Anh	21	11	2003	Hưng Yên	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
24	827393	1	Hồ Minh Anh	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
25	827394	1	Hồ Nguyễn Bảo Anh	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
26	827395	1	Huỳnh Lê Trung Anh	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
27	827396	1	Lê Kiều Anh	28	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
28	827397	1	Lê Thị Lan Anh	10	9	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
29	827398	2	Mai Hồng Anh	27	1	2003	Ninh Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
30	827399	2	Mai Trinh Minh	Anh	17	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
31	827400	2	Ngô Lê Vân	Anh	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
32	827401	2	Ngô Tuấn	Anh	14	10	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	2.2	Hồng
33	827402	2	Nguyễn Bảo Kỳ	Anh	2	7	2003	Cần Thơ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
34	827403	2	Nguyễn Châu	Anh	23	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
35	827404	2	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	29	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
36	827405	2	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
37	827406	2	Nguyễn Lê Phương	Anh	28	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
38	827407	2	Nguyễn Lê Trâm	Anh	9	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
39	827408	2	Nguyễn Ngọc Nguyên	Anh	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
40	827409	2	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	16	9	2003	Phú Thọ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
41	827410	2	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	29	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
42	827411	2	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	4	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
43	827412	2	Nguyễn Phương	Anh	24	9	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
44	827413	2	Nguyễn Quỳnh	Anh	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
45	827414	2	Nguyễn Sang Nam	Anh	31	1	2003	Ninh Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
46	827415	2	Nguyễn Thế	Anh	26	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
47	827416	2	Nguyễn Thị Mai	Anh	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
48	827417	2	Nguyễn Thị Minh	Anh	20	10	2003	Nghệ An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
49	827418	2	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
50	827419	2	Phạm Phương	Anh	11	1	2003	Hải Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
51	827420	2	Phạm Trần Tuấn	Anh	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
52	827421	2	Phạm Văn	Anh	27	10	2003	Cần Thơ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
53	827422	2	Phùng Thị Kiều	Anh	14	11	2003	Hải Phòng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
54	827423	2	Thái Hồng	Anh	22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
55	827424	2	Trần Đức	Anh	23	4	2003	Thái Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
56	827425	2	Trần Ngọc Phương	Anh	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
57	827426	3	Trần Nguyễn Phương	Anh	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
58	827427	3	Trần Nguyễn Phương	Anh	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
59	827428	3	Trần Phương	Anh	12	10	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
60	827429	3	Trần Thị Lan	Anh	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
61	827430	3	Trần Thị Phương	Anh	23	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
62	827431	3	Trần Văn	Anh	22	11	2003	Sóc Trăng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
63	827432	3	Trịnh Võ Quyền	Anh	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
64	827433	3	Trương Phương	Anh	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
65	827434	3	Trương Thị Châm	Anh	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
66	827435	3	Vũ Trần Mỹ	Anh	2	6	2003	Hà Nội	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
67	827436	3	Vũ Tuấn	Anh	30	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
68	827437	3	Vũ Yến Quỳnh	Anh	23	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
69	827438	3	Nguyễn Dương Ngọc	Ánh	11	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
70	827439	3	Nguyễn Lê Hồng	Ánh	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
71	827440	3	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	14	11	2003	Hà Nội	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
72	827441	3	Nguyễn Vũ Ngọc	Ánh	15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
73	827442	3	Hoàng Đình Diên	Ân	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
74	827443	3	Nguyễn Đức	Ân	8	4	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
75	827444	3	Nguyễn Hạnh Bảo	Ân	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
76	827445	3	Nguyễn Quốc Gia	Ân	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
77	827446	3	Nguyễn Thiên	Ân	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
78	827447	3	Phan Hồng Dì	Ân	25	12	2003	Bến Tre	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
79	827448	3	Nguyễn Phan Hoàng	Bách	3	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
80	827449	3	Dương Quốc	Bảo	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
81	827450	3	Đặng Gia	Bảo	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
82	827451	3	Đỗ Gia	Bảo	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
83	827452	3	Lại Gia	Bảo	9	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
84	827453	3	Nguyễn Gia	Bảo	22	3	2003	Hải Phòng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
85	827454	4	Nguyễn Ngọc Hoài	Bảo	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
86	827455	4	Nguyễn Quốc	Bảo	25	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
87	827456	4	Nguyễn Thiên	Bảo	12	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
88	827457	4	Phạm Gia	Bảo	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
89	827458	4	Phạm Gia	Bảo	29	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
90	827459	4	Thạch Gia	Bảo	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
91	827460	4	Trần Gia	Bảo	7	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
92	827461	4	Trần Quốc	Bảo	30	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
93	827462	4	Trần Thái	Bảo	20	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
94	827463	4	Võ Phan Minh	Bảo	3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
95	827464	4	Nguyễn Hoàng Ngọc	Bích	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
96	827465	4	Đặng Thanh	Bình	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
97	827466	4	Nguyễn Thanh	Bình	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
98	827467	4	Trần Lưu Như	Bình	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
99	827468	4	Đinh Kiều	Châu	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
100	827469	4	Huỳnh Tấn Ngọc	Châu	7	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
101	827470	4	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	10	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
102	827471	4	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	31	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
103	827472	4	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
104	827473	4	Trần Nguyễn Minh	Châu	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
105	827474	4	Phạm Ngọc Lan	Chi	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
106	827475	4	Trần Thị Minh	Chi	20	10	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
107	827476	4	Vũ Uyên	Chi	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
108	827477	4	Dương Thục	Chinh	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
109	827478	4	Nguyễn Đỗ Đức	Chính	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
110	827479	4	Phạm Thế	Chính	21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
111	827480	4	Trần Phúc	Chuong	19	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
112	827481	4	Nguyễn Văn	Công	5	2	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Tri Phương	Tin học	5.6	Tbình
113	827482	5	Hoàng Chí	Cường	25	1	2003	An Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
114	827483	5	Nguyễn Chí	Cường	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
115	827484	5	Nguyễn Huy	Cường	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
116	827485	5	Phan Dương Phú	Cường	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
117	827486	5	Trần Lê Như	Cường	23	12	2003	Vũng Tàu	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
118	827487	5	Trần Việt	Cường	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
119	827488	5	Đỗ Thành	Danh	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
120	827489	5	Ngô Quý	Danh	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
121	827490	5	Trần Ngọc	Diệp	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
122	827491	5	Liên Ngọc	Doanh	18	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
123	827492	5	Phan Doanh	Doanh	29	11	2003	Tiền Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
124	827493	5	Hà Mỹ	Dung	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
125	827494	5	Nguyễn Hoàng Khánh	Dung	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
126	827495	5	Nguyễn Ngọc	Dung	7	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
127	827496	5	Nguyễn Thanh	Dung	25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
128	827497	5	Nguyễn Trang Mỹ	Dung	3	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
129	827498	5	Phạm Thư	Dung	30	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
130	827499	5	Vương Xuyên	Dung	30	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
131	827500	5	Hà Anh	Dũng	21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
132	827501	5	Cao Nam	Duy	19	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
133	827502	5	Đào Huỳnh Anh	Duy	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
134	827503	5	Đặng Khánh	Duy	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
135	827504	5	Lê Văn Khánh Duy	1	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
136	827505	5	Phạm Ngọc Duy	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
137	827506	5	Văn Nguyễn Hoàng Duy	29	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
138	827507	5	Võ Trần Khánh Duy	8	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
139	827508	5	Chung Trần Mỹ Duyên	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
140	827509	5	Nguyễn Hoàng Khánh Duyên	2	6	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
141	827510	6	Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	7	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
142	827511	6	Cao Thị Thùy Dương	21	1	2002	Đồng Tháp	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
143	827512	6	Hà Thị Thùy Dương	18	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
144	827513	6	Đỗ Thị Linh Đa	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
145	827514	6	Phạm Bùi Lynch Đan	25	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học		
146	827515	6	Bùi Tiến Đạt	27	4	2003	Hà Tây	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
147	827516	6	Đào Minh Đạt	22	6	2003	Hà Tĩnh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
148	827517	6	Đinh Tiến Đạt	23	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
149	827518	6	Huỳnh Phát Đạt	2	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
150	827519	6	Huỳnh Tấn Đạt	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
151	827520	6	Lê Phát Đạt	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
152	827521	6	Lê Phú Thịnh Đạt	1	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
153	827522	6	Lương Minh Đạt	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
154	827523	6	Nguyễn Lê Thành Đạt	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
155	827524	6	Nguyễn Quốc Đạt	13	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
156	827525	6	Nguyễn Tấn Đạt	22	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	3.0	Hồng
157	827526	6	Nguyễn Thành Đạt	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
158	827527	6	Nguyễn Tiến Đạt	15	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
159	827528	6	Nguyễn Tiến Đạt	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
160	827529	6	Phạm Tiến Đạt	28	10	2003	Thái Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
161	827530	6	Trần Phát Đạt	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
162	827531	6	Trần Thành Đạt	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.2	Hồng
163	827532	6	Trần Tiến Đạt	10	2	2002	An Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
164	827533	6	Vũ Thành Đạt	24	6	2003	Hải Phòng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
165	827534	6	Vũ Trịnh Thành Đạt	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
166	827535	6	Nguyễn Hải Đăng	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
167	827536	6	Nguyễn Hoàng Khánh Đoan	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
168	827537	6	Nguyễn Duy Đoàn	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
169	827538	7	Lý Huy Đông	16	11	2003	Nam Định	Nguyễn Tri Phương	Tin học	5.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
170	827539	7	Bùi Trung Đức	16	4	2003	Thái Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
171	827540	7	Dương Hồ Minh Đức	18	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
172	827541	7	Đỗ Minh Đức	1	9	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
173	827542	7	Mai Xuân Đức	7	3	2003	Đồng Tháp	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
174	827543	7	Nguyễn Bá Tài Đức	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
175	827544	7	Nguyễn Ngọc Hùng Đức	21	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
176	827545	7	Phạm Minh Đức	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.2	Hồng
177	827546	7	Phạm Thế Đức	12	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hồng
178	827547	7	Trần Hữu Đức	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
179	827548	7	Phạm Phan Nô Ê	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
180	827549	7	Hoàng Hà Giang	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
181	827550	7	Hoàng Nguyễn Quỳnh Giang	1	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
182	827551	7	Huỳnh Trần Nam Giang	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
183	827552	7	Lê Hoàng Giang	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
184	827553	7	Lương Ngân Giang	11	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
185	827554	7	Nguyễn Hoàng Thu Giang	28	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
186	827555	7	Nguyễn Thị Trà Giang	1	11	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
187	827556	7	Phạm Thị Ngân Giang	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
188	827557	7	Đỗ Ngọc Quỳnh Giao	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
189	827558	7	Nguyễn Lê Quỳnh Giao	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
190	827559	7	Cù Việt Hà	20	11	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
191	827560	7	Đinh Ngọc Hà	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
192	827561	7	Hồ Đặng Ngân Hà	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
193	827562	7	Huỳnh Thị Ngọc Hà	2	11	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
194	827563	7	Lôi My Hà	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
195	827564	7	Ngô Phạm Thúy Hà	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
196	827565	7	Ngô Thu Hà	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
197	827566	8	Tô Ngân Hà	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
198	827567	8	Đặng Anh Hải	11	6	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
199	827568	8	Lê Trung Hải	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
200	827569	8	Nguyễn Hồng Hải	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
201	827570	8	Nguyễn Thị Thiên Hải	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
202	827571	8	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	11	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
203	827572	8	Lê Thị Mỹ Hạnh	27	10	2003	Quảng Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
204	827573	8	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	31	1	2003	Ninh Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
205	827574	8	Phạm Minh Hạnh	28	9	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
206	827575	8	Phan Thị Mỹ Hạnh	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
207	827576	8	Vũ Thị Hồng Hạnh	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
208	827577	8	Châu Lê Nhật Hào	5	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
209	827578	8	Nguyễn Anh Hào	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
210	827579	8	Nguyễn Đức Hào	31	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
211	827580	8	Nguyễn Thanh Hằng	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
212	827581	8	Nguyễn Thúy Hằng	18	3	2003	Ninh Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
213	827582	8	Chu Đặng Gia Hân	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
214	827583	8	Dương Ngọc Mai Hân	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
215	827584	8	Đinh Ngọc Gia Hân	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
216	827585	8	Nguyễn Kim Hân	14	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
217	827586	8	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	28	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
218	827587	8	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
219	827588	8	Nguyễn Vương Bảo Hân	30	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
220	827589	8	Phan Ngọc Hân	24	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
221	827590	8	Võ Ngọc Bảo Hân	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
222	827591	8	Nguyễn Phúc Hậu	31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
223	827592	8	Mai Thị Thu Hiền	13	4	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
224	827593	8	Nguyễn Ngọc Hiền	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
225	827594	9	Nguyễn Thị Thu Hiền	23	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
226	827595	9	Trần Huỳnh Diệu Hiền	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
227	827596	9	Hoàng Hiệp	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
228	827597	9	Phạm Hòa Hiệp	10	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
229	827598	9	Nguyễn Huỳnh Minh Hiếu	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
230	827599	9	Tô Hoàng Trung Hiếu	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
231	827600	9	Trần Thanh Hiếu	20	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
232	827601	9	Vũ Trung Hiếu	11	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
233	827602	9	Dương Quốc Hoa	7	7	2003	Hà Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
234	827603	9	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
235	827604	9	Nguyễn Phan Minh Hòa	23	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
236	827605	9	Nguyễn Trọng Hoan	10	6	2003	Nghệ An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
237	827606	9	Đỗ Minh Hoàng	24	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hồng
238	827607	9	Lê Huy Hoàng	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
239	827608	9	Lê Thanh Hoàng	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
240	827609	9	Phạm Trần Huy Hoàng	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
241	827610	9	Thân Trọng Võ Hoàng	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
242	827611	9	Trần Thủy Hoàng	24	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
243	827612	9	Tán Bá Hải Hồ	10	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
244	827613	9	Huỳnh Nguyễn Ánh Hồng	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
245	827614	9	Trần Thị Ánh Hồng	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
246	827615	9	Nguyễn Ngọc Huệ	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
247	827616	9	Nguyễn Thị Minh Huệ	18	2	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
248	827617	9	Bùi Mạnh Hùng	19	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
249	827618	9	Lý Phước Hùng	27	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
250	827619	9	Nguyễn Minh Hùng	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
251	827620	9	Hà Chí Huy	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
252	827621	9	Hồ Minh Huy	18	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
253	827622	10	Lê Đoàn Minh Huy	10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
254	827623	10	Lê Gia Huy	24	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
255	827624	10	Ngô Quốc Huy	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
256	827625	10	Nguyễn Đan Huy	1	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
257	827626	10	Nguyễn Đức Huy	2	3	2003	Long An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
258	827627	10	Nguyễn Đức Huy	31	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
259	827628	10	Nguyễn Hoàng Gia Huy	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
260	827629	10	Nguyễn Phạm Hoàng Huy	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tri Phương	Tin học	6.0	Tbình
261	827630	10	Nguyễn Quang Huy	6	2	2003	Bắc Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
262	827631	10	Nguyễn Quốc Huy	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
263	827632	10	Nguyễn Quốc Huy	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
264	827633	10	Nguyễn Quốc Huy	30	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
265	827634	10	Nguyễn Trung Huy	23	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
266	827635	10	Nguyễn Trung Huy	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
267	827636	10	Phạm Văn Huy	30	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
268	827637	10	Phan Đình Huy	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
269	827638	10	Phan Gia Huy	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
270	827639	10	Trần Lê Huy	14	3	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
271	827640	10	Trần Quốc Huy	24	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
272	827641	10	Trần Văn Quang Huy	27	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
273	827642	10	Văn Gia Huy	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
274	827643	10	Võ Quang Huy	17	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
275	827644	10	Vũ Anh Huy	25	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
276	827645	10	Vũ Trường Huy	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
277	827646	10	Bùi Đồng Ngọc Huyền	4	3	2003	Hậu Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
278	827647	10	Cao Trần Thanh Huyền	29	3	2003	Quảng Trị	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
279	827648	10	Hoàng Thị Thanh Huyền	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
280	827649	10	Lê Kim Huyền	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
281	827650	11	Nguyễn Lan Hạ Huyền	14	3	2003	Tây Ninh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
282	827651	11	Nguyễn Lê Minh Huyền	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
283	827652	11	Nguyễn Lê Ngọc Huyền	9	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
284	827653	11	Nguyễn Thị Diệu Huyền	28	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
285	827654	11	Trần Đoàn Tú Huyền	28	5	2003	Đồng Tháp	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
286	827655	11	Trần Thị Huyền	8	9	2003	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
287	827656	11	Trịnh Thanh Huyền	7	10	2003	Kiên Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
288	827657	11	Trần Đức Huynh	20	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học		
289	827658	11	Hồ Vĩnh Hưng	19	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
290	827659	11	Lê Vũ Hưng	18	4	2003	Bình Thuận	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
291	827660	11	Nguyễn Hoàng Hưng	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
292	827661	11	Nguyễn Tuấn Hưng	30	5	2003	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
293	827662	11	Phạm Duy Hưng	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tri Phương	Tin học	5.2	Tbình
294	827663	11	Phạm Quốc Hưng	23	10	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
295	827664	11	Tạ Phú Hưng	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
296	827665	11	Trần Nguyễn Phi Hưng	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
297	827666	11	Trương Khải Hưng	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
298	827667	11	Đặng Thị Lan Hương	21	1	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
299	827668	11	Hoàng Thị Thu Hương	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
300	827669	11	Lê Quỳnh Hương	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
301	827670	11	Nguyễn Mai Thủy Hương	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học		
302	827671	11	Nguyễn Ngọc Huỳnh Hương	26	2	2003	Tiền Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
303	827672	11	Nguyễn Ngọc Nguyên Hương	24	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
304	827673	11	Nguyễn Thị Thùy Hương	8	2	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
305	827674	11	Phạm Ngọc Quỳnh Hương	21	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
306	827675	11	Trần Quỳnh Hương	21	4	2003	Bình Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
307	827676	11	Trần Thị Minh Hương	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
308	827677	11	Trần Đức Hữu	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
309	827678	12	Nguyễn Minh Hy	1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
310	827679	12	Nguyễn Đức Kha		26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
311	827680	12	Trình Minh Kha		21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
312	827681	12	Bùi Huy Khải		18	12	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
313	827682	12	Nguyễn Hoàng Gia Khải		15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
314	827683	12	Đinh Khang		7	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
315	827684	12	Huỳnh Tuấn Khang		7	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
316	827685	12	Nguyễn An Khang		25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
317	827686	12	Nguyễn Duy Khang		11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
318	827687	12	Nguyễn Lê Trường Khang		10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
319	827688	12	Nguyễn Minh Khang		27	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
320	827689	12	Vũ Duy Khang		25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
321	827690	12	Đặng Chí Khanh		22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
322	827691	12	Nguyễn Ái Khanh		15	4	2003	Thái Nguyên	Nguyễn Trung Trực	Tin học	2.0	Hồng
323	827692	12	Trịnh Lê Khanh		3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
324	827693	12	Hồ Ngọc Duy Khánh		10	9	2003	Khánh Hòa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
325	827694	12	Phạm Hoàng Khánh		16	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
326	827695	12	Thái Hữu Khánh		10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
327	827696	12	Trương Quang Khánh		12	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
328	827697	12	Trần Dương Khiêm		14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
329	827698	12	Bùi Anh Khoa		15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
330	827699	12	Đoàn Minh Khoa		19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
331	827700	12	Đỗ Anh Khoa		24	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
332	827701	12	Ngô Anh Khoa		16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
333	827702	12	Nguyễn Anh Khoa		15	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
334	827703	12	Nguyễn Đăng Khoa		12	7	2003	Đồng Tháp	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
335	827704	12	Nguyễn Đăng Khoa		26	7	2003	Hậu Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
336	827705	12	Nguyễn Trần Đăng Khoa		16	9	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
337	827706	13	Phạm Đăng Khoa		20	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
338	827707	13	Phan Võ Anh Khoa		3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
339	827708	13	Trần Nguyễn Đăng Khoa		27	4	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
340	827709	13	Trần Văn Đăng Khoa		2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
341	827710	13	Vũ Ngọc Đăng Khoa		15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hồng
342	827711	13	Đoàn Nguyễn Minh Khôi		27	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
343	827712	13	Hồ Đức Anh Khôi		20	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
344	827713	13	Nguyễn Đăng Khôi		20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
345	827714	13	Phạm Hà Minh	Khôi	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
346	827715	13	Tô Minh	Khôi	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
347	827716	13	Trần Lê Đăng	Khôi	27	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
348	827717	13	Trần Ngọc Anh	Khôi	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
349	827718	13	Võ Nguyễn Anh	Khôi	25	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
350	827719	13	Nguyễn Duy	Khương	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
351	827720	13	Nguyễn Đức Trung	Kiên	18	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
352	827721	13	Hồ Tuấn	Kiệt	2	3	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
353	827722	13	Lê Tuấn	Kiệt	20	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
354	827723	13	Lưu Anh	Kiệt	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
355	827724	13	Phạm Nguyễn Anh	Kiệt	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
356	827725	13	Nguyễn Đào Mỹ	Kim	30	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
357	827726	13	Nguyễn Hoàn	Kim	27	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
358	827727	13	Phạm Hoàng	Kim	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
359	827728	13	Nguyễn Anh	Kỳ	31	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
360	827729	13	Dương Thanh	Lam	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
361	827730	13	Nguyễn Hoàng	Lam	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
362	827731	13	Bùi Thị Mai	Lan	9	4	2003	Long An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
363	827732	13	Bùi Thị Thu	Lan	19	5	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
364	827733	13	Chu Thị Bảo	Lan	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
365	827734	14	Nguyễn Ngọc	Lan	7	11	2003	Bắc Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
366	827735	14	Nguyễn Ngọc	Lan	4	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
367	827736	14	Lê Tùng	Lâm	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
368	827737	14	Ninh Ngọc	Lê	10	1	2003	Bắc Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
369	827738	14	Bùi Ngọc Phương	Linh	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
370	827739	14	Bùi Ngọc Thảo	Linh	31	10	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
371	827740	14	Bùi Thị Thuý	Linh	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
372	827741	14	Dương Chí	Linh	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
373	827742	14	Đinh Thị Mỹ	Linh	26	10	2003	Kiên Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
374	827743	14	Đoàn Diệu	Linh	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
375	827744	14	Đoàn Thanh Kiều	Linh	10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
376	827745	14	Hoàng Hà Yến	Linh	21	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
377	827746	14	Lê Hoàng Gia	Linh	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
378	827747	14	Lê Trần Khánh	Linh	11	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
379	827748	14	Mai Thị Mỹ	Linh	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
380	827749	14	Ngô Ánh Linh	4	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
381	827750	14	Nguyễn Lê Thùy Linh	2	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
382	827751	14	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	7	3	2003	Vĩnh Phúc	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
383	827752	14	Nguyễn Thị Tuyết Linh	28	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
384	827753	14	Nguyễn Thị Tuyết Linh	9	8	2003	Cần Thơ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
385	827754	14	Phạm Khánh Linh	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
386	827755	14	Phạm Ngọc Linh	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
387	827756	14	Phạm Nguyễn Trúc Linh	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.2	Hổng
388	827757	14	Trương Nguyên Hoa Linh	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
389	827758	14	Đặng Du Long	23	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
390	827759	14	Lê Hoàng Long	4	8	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
391	827760	14	Nguyễn Kim Long	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
392	827761	14	Nguyễn Thành Long	11	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
393	827762	15	Trần Nguyễn Xuân Long	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
394	827763	15	Trần Thâm Hoàng Long	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
395	827764	15	Trương Hoàng Long	8	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
396	827765	15	Trương Việt Long	7	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
397	827766	15	Vũ Trần Quang Long	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
398	827767	15	Hoàng Kim Lộc	25	9	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
399	827768	15	Mai Gia Lộc	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
400	827769	15	Nguyễn Xuân Lộc	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
401	827770	15	Hoàng Vũ Luân	9	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
402	827771	15	Hứa Kim Luân	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
403	827772	15	Nguyễn Đức Luân	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
404	827773	15	Nguyễn Thành Luân	18	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
405	827774	15	Trần Đức Luân	23	6	2003	Cà Mau	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
406	827775	15	Võ Mộng Luân	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
407	827776	15	Phạm Văn Lượng	25	5	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
408	827777	15	Đoàn Khánh Ly	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.2	Giỏi
409	827778	15	Nguyễn Ngọc Lưu Ly	12	5	2003	Trà Vinh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
410	827779	15	Đinh Thị Xuân Mai	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
411	827780	15	Đỗ Thị Ngọc Mai	28	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
412	827781	15	Hoàng Hà Sao Mai	25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
413	827782	15	Lê Thị Xuân Mai	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
414	827783	15	Nguyễn Ánh Mai	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
415	827784	15	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
416	827785	15	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	24	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hồng
417	827786	15	Phạm Khánh	Mai	16	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
418	827787	15	Phạm Thị Thanh	Mai	19	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
419	827788	15	Trần Ngọc	Mai	4	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
420	827789	15	Đào Minh	Mạnh	22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
421	827790	16	Trần Đức	Mạnh	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
422	827791	16	Nguyễn Lân	Mẫn	13	4	2003	Đà Nẵng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
423	827792	16	Nguyễn Minh	Mẫn	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
424	827793	16	Phạm Minh	Mẫn	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
425	827794	16	Trần Minh	Mẫn	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
426	827795	16	Trần Ngọc	Mẫn	18	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
427	827796	16	Lê Thị Hồng Mi	Mi	19	3	2003	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
428	827797	16	Phan Hoàng Thảo	Mi	9	1	2003	Thái Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
429	827798	16	Bùi Quốc	Minh	1	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
430	827799	16	Chu Quang	Minh	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
431	827800	16	Đinh Trần Bảo	Minh	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
432	827801	16	Đoàn Lê Văn	Minh	23	6	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
433	827802	16	Hồ Công	Minh	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
434	827803	16	Lê Đức	Minh	4	2	2003	Kiên Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
435	827804	16	Nguyễn Bảo	Minh	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
436	827805	16	Nguyễn Cao	Minh	6	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
437	827806	16	Nguyễn Đình Nhật	Minh	20	5	2003	Lâm Đồng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
438	827807	16	Nguyễn Ngọc	Minh	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
439	827808	16	Nguyễn Ngọc Hoàng	Minh	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
440	827809	16	Nguyễn Nhật	Minh	2	8	2003	Vũng Tàu	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
441	827810	16	Nguyễn Trương Tuấn	Minh	29	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
442	827811	16	Nguyễn Võ Hồng	Minh	19	8	2003	Nghệ An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
443	827812	16	Phạm Công	Minh	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
444	827813	16	Trần Hoàng	Minh	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
445	827814	16	Vũ Ngọc	Minh	29	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
446	827815	16	Cao Nguyễn Hà	My	17	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
447	827816	16	Cù Thị Trà	My	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tri Phương	Tin học	6.0	Tbình
448	827817	16	Lê Ngọc Khánh	My	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
449	827818	17	Nguyễn Ngọc Trà	My	10	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
450	827819	17	Nguyễn Thị Diễm My	5	6	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
451	827820	17	Nguyễn Thị Trà My	27	9	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
452	827821	17	Phạm Lưu My	1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
453	827822	17	Phan Vũ Giáng My	7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
454	827823	17	Lâm Hoàn Mỹ	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
455	827824	17	Cao Hoàng Nam	10	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
456	827825	17	Dương Hoàng Nam	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
457	827826	17	Lê Đức Nam	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
458	827827	17	Nguyễn Quang Hoàng Nam	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
459	827828	17	Nguyễn Trung Nam	30	8	2003	Phú Yên	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
460	827829	17	Trịnh Xuân Nam	2	5	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
461	827830	17	Dương Vũ Linh Nga	12	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
462	827831	17	Đinh Thị Hằng Nga	29	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
463	827832	17	Đỗ Ngọc Gia Ngân	24	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
464	827833	17	Đỗ Nguyễn Khánh Ngân	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
465	827834	17	Huỳnh Đỗ Kim Ngân	13	2	2003	Tây Ninh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
466	827835	17	Lê Kim Ngân	25	11	2003	Bến Tre	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
467	827836	17	Lê Kim Ngân	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
468	827837	17	Lê Vũ Quý Ngân	25	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
469	827838	17	Lưu Bảo Ngân	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.2	Giỏi
470	827839	17	Ngô Kim Ngân	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
471	827840	17	Ngô Kim Ngân	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
472	827841	17	Nguyễn Bảo Ngân	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
473	827842	17	Nguyễn Cao Kiều Ngân	5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
474	827843	17	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
475	827844	17	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	21	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
476	827845	17	Nguyễn Quỳnh Kim Ngân	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
477	827846	18	Nguyễn Thị Kim Ngân	17	4	2003	Tiền Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
478	827847	18	Phan Nhật Thùy Ngân	12	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
479	827848	18	Quách Kim Ngân	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
480	827849	18	Trần Minh Ngân	31	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
481	827850	18	Trần Thị Kim Ngân	6	2	2003	Ninh Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
482	827851	18	Trần Thị Mộng Ngân	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
483	827852	18	Bùi Hoàng Phương Nghi	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
484	827853	18	Đào Nguyễn Xuân Nghi	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
485	827854	18	Lại Ngọc Mẫn	Nghi	17	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
486	827855	18	Lê Gia	Nghi	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
487	827856	18	Nguyễn Ngọc	Nghi	17	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
488	827857	18	Nguyễn Phương Gia	Nghi	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
489	827858	18	Lê Trần Trung	Nghĩa	19	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
490	827859	18	Nguyễn Lê Trọng	Nghĩa	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
491	827860	18	Nguyễn Trọng	Nghĩa	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
492	827861	18	Võ Xuân	Nghĩa	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
493	827862	18	Nguyễn Duy	Nghiêm	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
494	827863	18	Danh Thị Hoài	Ngoan	13	6	2003	Kiên Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
495	827864	18	Dương Hồng	Ngọc	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
496	827865	18	Hồ Minh	Ngọc	29	10	2003	Hà Nội	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
497	827866	18	Lê Nguyễn Hồng	Ngọc	7	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
498	827867	18	Nguyễn Bảo	Ngọc	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
499	827868	18	Nguyễn Đặng Hồng	Ngọc	1	1	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
500	827869	18	Nguyễn Phương Yên	Ngọc	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
501	827870	18	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
502	827871	18	Nguyễn Thoại Bảo	Ngọc	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
503	827872	18	Nguyễn Trần Bích	Ngọc	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
504	827873	18	Lê Thị Thảo	Nguyên	21	5	2003	Đồng Tháp	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
505	827874	19	Lữ Hoàng Thảo	Nguyên	3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
506	827875	19	Nguyễn Thành	Nguyên	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
507	827876	19	Nguyễn Thành	Nguyên	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
508	827877	19	Nguyễn Trung	Nguyên	5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
509	827878	19	Nguyễn Thị	Nguyên	20	4	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
510	827879	19	Đỗ Phạm Thành	Nhân	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
511	827880	19	Nguyễn Doanh	Nhân	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
512	827881	19	Nguyễn Hoàng Quốc	Nhân	14	3	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
513	827882	19	Nguyễn Hoàng Thiện	Nhân	23	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
514	827883	19	Phan Trọng	Nhân	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
515	827884	19	Trần Trọng Thành	Nhân	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
516	827885	19	Nguyễn Minh	Nhật	23	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
517	827886	19	Vũ Minh	Nhật	29	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
518	827887	19	Vũ Minh	Nhật	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
519	827888	19	Đỗ Lê Quỳnh	Nhi	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
520	827889	19	Đỗ Nguyễn Phương Nhi	21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
521	827890	19	Hồ Ngọc Tuyết Nhi	29	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
522	827891	19	Huỳnh Tôn Yến Nhi	31	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
523	827892	19	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	26	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
524	827893	19	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
525	827894	19	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
526	827895	19	Nguyễn Phan Cát Nhi	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
527	827896	19	Nguyễn Thị Yến Nhi	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
528	827897	19	Nguyễn Thị Yến Nhi	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
529	827898	19	Phạm Thùy Ngọc Nhi	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
530	827899	19	Phạm Trần Uyên Nhi	29	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
531	827900	19	Trần Ngọc Yến Nhi	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
532	827901	19	Trần Nguyễn Uyên Nhi	2	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
533	827902	20	Trần Thị Yến Nhi	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
534	827903	20	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	30	1	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
535	827904	20	Nguyễn Trang Nhung	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
536	827905	20	Phạm Thị Cẩm Nhung	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
537	827906	20	Trương Hồng Nhung	24	6	2003	Thái Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
538	827907	20	Hà Hoàng Phương Như	9	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
539	827908	20	Lê Phương Như	15	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
540	827909	20	Nguyễn Nhật Xuân Như	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
541	827910	20	Nguyễn Thị Minh Như	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
542	827911	20	Nguyễn Thị Tuyết Như	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
543	827912	20	Phạm Quỳnh Như	28	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
544	827913	20	Thân Quỳnh Như	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
545	827914	20	Lê Minh Nhựt	10	12	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
546	827915	20	Đỗ Quỳnh Bảo Ninh	28	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
547	827916	20	Nguyễn Thị Kim Oanh	29	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
548	827917	20	Đoàn Tiến Phát	27	9	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
549	827918	20	Huỳnh Quang Phát	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
550	827919	20	Lê Tấn Phát	8	2	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
551	827920	20	Trần Hùng Đức Phát	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
552	827921	20	Trần Minh Phát	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
553	827922	20	Trần Tiến Phát	22	2	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.2	Giỏi
554	827923	20	Trương Tấn Phát	9	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	1.6	Hồng

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
555	827924	20	Võ Tấn Phát	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
556	827925	20	Vương Thiên Phát	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
557	827926	20	Nguyễn Bảo Nhựt Phi	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
558	827927	20	Bùi Thanh Phong	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hồng
559	827928	20	Đặng Đình Phong	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
560	827929	20	Đinh Thanh Phong	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
561	827930	21	La Hiểu Phong	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
562	827931	21	Lê Hoàng Phong	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
563	827932	21	Nguyễn Hoàng Phong	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
564	827933	21	Nguyễn Quang Phong	11	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
565	827934	21	Huỳnh Trần Phú	5	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
566	827935	21	Nguyễn Đại Phú	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
567	827936	21	Nguyễn Gia Phú	14	4	2003	Gia Lai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
568	827937	21	Nguyễn Hoàng Gia Phú	30	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
569	827938	21	Nguyễn Minh Phú	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
570	827939	21	Nguyễn Thái Gia Phú	10	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
571	827940	21	Trần Đức Phú	22	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
572	827941	21	Hoàng Đại Phúc	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
573	827942	21	Hoàng Thị Hoàng Phúc	14	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
574	827943	21	Hoàng Xuân Lập Phúc	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
575	827944	21	Lê Hà Hoàng Phúc	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
576	827945	21	Nguyễn Hoàng Phúc	3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
577	827946	21	Nguyễn Hoàng Phúc	8	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
578	827947	21	Nguyễn Hồng Phúc	2	12	2003	Cần Thơ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hồng
579	827948	21	Nguyễn Huỳnh Bảo Phúc	12	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
580	827949	21	Nguyễn Hữu Bảo Phúc	29	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
581	827950	21	Nguyễn Thiện Phúc	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
582	827951	21	Nguyễn Trần Trọng Phúc	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
583	827952	21	Phan Hùng Phúc	14	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
584	827953	21	Quách Thường Phúc	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
585	827954	21	Trần Hữu Phúc	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
586	827955	21	Bùi Phạm Hải Phụng	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.0	Hồng
587	827956	21	Lê Diễm Phụng	15	9	2002	Vũng Tàu	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
588	827957	21	Lý Mỹ Phụng	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
589	827958	22	Nguyễn Hoàng Phước	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
590	827959	22	Bùi Minh Phương	5	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
591	827960	22	Bùi Thị Thu Phương	4	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
592	827961	22	Chu Ngọc Phương	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
593	827962	22	Đỗ Nguyên Phương	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
594	827963	22	Đỗ Thị Minh Phương	4	12	2003	Vĩnh Phúc	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
595	827964	22	Hoàng Ngọc Phương	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
596	827965	22	Lương Hoàng Gia Phương	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
597	827966	22	Nguyễn Đông Phương	7	12	2003	Cần Thơ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
598	827967	22	Nguyễn Mai Phương	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
599	827968	22	Nguyễn Thị Trúc Phương	30	11	2002	Bến Tre	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
600	827969	22	Trần Nguyễn Uyên Phương	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
601	827970	22	Vũ Ngọc Lan Phương	9	6	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
602	827971	22	Lại Thị Ngọc Phương	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hổng
603	827972	22	Lý Thanh Quang	18	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hổng
604	827973	22	Nguyễn Đoàn Nhật Quang	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
605	827974	22	Nguyễn Hoàng Minh Quang	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hổng
606	827975	22	Nguyễn Nhật Quang	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
607	827976	22	Nguyễn Tiến Quang	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
608	827977	22	Nguyễn Viết Minh Quang	2	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
609	827978	22	Nguyễn Việt Quang	14	7	2003	Hà Nội	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
610	827979	22	Phạm Vũ Quang	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
611	827980	22	Trịnh Minh Quang	5	11	2003	Hà Nội	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
612	827981	22	Võ Thành Quang	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hổng
613	827982	22	Bùi Minh Quân	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	3.8	Hổng
614	827983	22	Lê Anh Quân	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
615	827984	22	Trần Hoàng Quân	28	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
616	827985	22	Trần Nhật Quân	12	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
617	827986	23	Nguyễn Nguyệt Quế	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
618	827987	23	Ngô Trọng Quý	11	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
619	827988	23	Nguyễn Kiến Quốc	11	8	2003	Kiên Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
620	827989	23	Trần Khánh Quý	9	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.2	Hổng
621	827990	23	Trịnh Ngọc Quý	25	5	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hổng
622	827991	23	Lê Nguyễn Phương Quyên	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
623	827992	23	Lê Phương Quyên	11	2	2003	Bạc Liêu	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
624	827993	23	Trương Mỹ Quyên	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
625	827994	23	Nguyễn Công Quyền	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
626	827995	23	Nguyễn Trọng Quyền	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
627	827996	23	Nguyễn Xuân Quyền	9	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
628	827997	23	Trần Hưng Quyết	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hồng
629	827998	23	Đinh Thụy Nhật Quỳnh	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
630	827999	23	Nguyễn Hoàng Diễm Quỳnh	27	5	2003	Hải Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
631	828000	23	Nguyễn Ngô Trúc Quỳnh	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
632	828001	23	Nguyễn Thị Như Quỳnh	4	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
633	828002	23	Nguyễn Thụy Phương Quỳnh	1	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
634	828003	23	Nguyễn Trần Như Quỳnh	31	5	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
635	828004	23	Phạm Trúc Quỳnh	5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học		
636	828005	23	Phùng Khánh Quỳnh	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
637	828006	23	Tổng Võ Diễm Quỳnh	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
638	828007	23	Trần Nữ Vân Quỳnh	7	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
639	828008	23	Trần Thị Như Quỳnh	19	12	2003	Lâm Đồng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
640	828009	23	Vũ Thị Diễm Quỳnh	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
641	828010	23	Lý Phước Sang	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
642	828011	23	Nguyễn Đặng Tấn Sang	25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
643	828012	23	Tô Đỗ Nhất Sang	31	8	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
644	828013	23	Trần Ngọc Sang	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
645	828014	24	Võ Minh Sang	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
646	828015	24	Nguyễn Thị Ánh Sáng	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
647	828016	24	Đỗ Hùng Sơn	19	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
648	828017	24	Huỳnh Nguyễn Thiện Sơn	16	11	2003	Quảng Trị	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
649	828018	24	Nguyễn Bá Thanh Sơn	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
650	828019	24	Nguyễn Trường Sơn	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
651	828020	24	Nguyễn Văn Sỹ	30	12	2002	Bình Phước	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
652	828021	24	Đinh Quý Tài	17	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
653	828022	24	Đoàn Anh Tài	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
654	828023	24	Lê Anh Tài	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
655	828024	24	Lê Thanh Tài	30	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
656	828025	24	Nguyễn Phước Tài	25	7	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
657	828026	24	Nguyễn Tấn Tài	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
658	828027	24	Nguyễn Thành Tài	24	1	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hồng
659	828028	24	Phạm Tuấn Tài	27	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
660	828029	24	Trần Anh Tài	6	5	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
661	828030	24	Trương Nguyễn Thành Tài	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
662	828031	24	Đào Quyết Tâm	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
663	828032	24	Đoàn Minh Tâm	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
664	828033	24	Phạm Đức Tâm	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
665	828034	24	Phạm Thảo Huyền Tâm	2	11	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hồng
666	828035	24	Trần Đình Tâm	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
667	828036	24	Trần Như Tâm	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
668	828037	24	Trần Thị Thanh Tâm	30	5	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
669	828038	24	Nguyễn Hữu Việt Tân	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
670	828039	24	Nguyễn Nhật Tân	28	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	3.8	Hồng
671	828040	24	Nguyễn Thành Tân	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	2.8	Hồng
672	828041	24	Trần Nhật Tân	23	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
673	828042	25	Phạm Ngọc Thạch	25	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
674	828043	25	Nguyễn Công Thái	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
675	828044	25	Nguyễn Phan Danh Thái	1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.0	Hồng
676	828045	25	Dư Xuân Thanh	24	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
677	828046	25	Đặng Ngọc Thiên Thanh	28	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
678	828047	25	Lê Diệp Thanh Thanh	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học		
679	828048	25	Nguyễn Lê Nhật Thanh	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.4	Giỏi
680	828049	25	Nguyễn Quốc Thanh	25	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tri Phương	Tin học	5.4	Tbình
681	828050	25	Nguyễn Trần Đan Thanh	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
682	828051	25	Trần Phan Việt Thanh	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
683	828052	25	Vũ Ngọc Thiên Thanh	25	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
684	828053	25	Đỗ Tiến Thành	24	5	2003	Cần Thơ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
685	828054	25	Hồng Phước Thành	9	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
686	828055	25	Nguyễn Công Thành	2	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
687	828056	25	Trần Long Thành	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
688	828057	25	Trần Trung Thành	19	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
689	828058	25	Cao Trần Phương Thảo	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
690	828059	25	Đặng Huỳnh Thanh Thảo	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
691	828060	25	Đỗ Thị Thanh Thảo	13	11	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
692	828061	25	Hồ Thị Hương Thảo	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
693	828062	25	Huỳnh Thị Thu Thảo	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
694	828063	25	Lê Nguyễn Ngọc Thảo	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
695	828064	25	Lê Thị Phương	Thảo	28	10	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
696	828065	25	Nguyễn Phương	Thảo	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
697	828066	25	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
698	828067	25	Phạm Thị	Thảo	11	6	2003	Thái Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
699	828068	25	Phan Phạm Phương	Thảo	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
700	828069	25	Trần Nhật Phương	Thảo	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
701	828070	26	Trần Thanh	Thảo	29	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
702	828071	26	Trịnh Thị Thanh	Thảo	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
703	828072	26	Võ Thanh	Thảo	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
704	828073	26	Vũ Phạm Thanh	Thảo	6	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
705	828074	26	Vũ Thị Thanh	Thảo	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
706	828075	26	Huỳnh Quốc	Thắng	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
707	828076	26	Nguyễn Hữu	Thắng	24	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
708	828077	26	Nguyễn Trần Hữu	Thắng	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
709	828078	26	Trần Ngọc	Thắng	8	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
710	828079	26	Trần Quốc	Thắng	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
711	828080	26	Bùi Thụy Phương	Thi	14	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
712	828081	26	Đặng Ngọc Anh	Thi	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
713	828082	26	Nguyễn Phương	Thi	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
714	828083	26	Trần Vũ Anh	Thi	4	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
715	828084	26	Lã Xuân Thanh	Thiên	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
716	828085	26	Nguyễn Quốc	Thiện	12	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
717	828086	26	Thân Thanh	Thiện	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
718	828087	26	Võ Bảo	Thiện	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
719	828088	26	Dương Quốc	Thịnh	24	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
720	828089	26	Đoàn Lê Quốc	Thịnh	11	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
721	828090	26	Lê Phước	Thịnh	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
722	828091	26	Nguyễn Kim Ngọc	Thịnh	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
723	828092	26	Nguyễn Trường	Thịnh	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
724	828093	26	Phạm Nguyễn Quốc	Thịnh	13	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
725	828094	26	Phạm Quốc Hưng	Thịnh	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
726	828095	26	Vũ Tiến	Thịnh	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
727	828096	26	Uông Trần Đức	Thọ	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
728	828097	26	Bùi Hữu	Thoại	1	2	2003	Hậu Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hồng
729	828098	27	Nguyễn Lê Minh	Thông	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
730	828099	27	Nguyễn Minh Thông	28	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
731	828100	27	Nguyễn Thành Thông	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
732	828101	27	Lê Anh Thơ	21	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
733	828102	27	Nguyễn Thị Tuyết Thơ	13	2	2003	Vĩnh Long	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
734	828103	27	Trần Thị Huỳnh Thơ	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	3.0	Hổng
735	828104	27	Tạ Thanh Thu	30	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
736	828105	27	Hà Ngọc Thuận	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
737	828106	27	Nguyễn Thị Phương Thùy	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
738	828107	27	Nguyễn Thị Thu Thùy	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
739	828108	27	Trần Ngọc Thùy	23	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
740	828109	27	Đỗ Thu Thủy	7	10	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
741	828110	27	Hoàng Xuân Thủy	7	1	2003	Thừa Thiên Huế	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
742	828111	27	Lê Thị Thu Thủy	13	9	2003	Hà Tây	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
743	828112	27	Lê Thị Thủy Thủy	1	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
744	828113	27	Lê Trần Thanh Thủy	27	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
745	828114	27	Vương Bích Thủy	9	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
746	828115	27	Bạch Nguyễn Minh Thư	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
747	828116	27	Đinh Thị Anh Thư	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
748	828117	27	Đoàn Minh Thư	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
749	828118	27	Đỗ Hoàng Anh Thư	14	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
750	828119	27	Đỗ Thị Thư	5	6	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
751	828120	27	Hà Minh Thư	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
752	828121	27	Hoàng Lê Anh Thư	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
753	828122	27	Hồ Minh Thư	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
754	828123	27	Lê Hoàng Anh Thư	9	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
755	828124	27	Lê Ngọc Anh Thư	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
756	828125	27	Lê Nguyễn Anh Thư	30	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
757	828126	28	Lê Nguyễn Anh Thư	24	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
758	828127	28	Liên Minh Thư	1	7	2003	Bến Tre	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
759	828128	28	Nguyễn Anh Thư	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
760	828129	28	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	18	8	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
761	828130	28	Nguyễn Tổng Minh Thư	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
762	828131	28	Nguyễn Trần Minh Thư	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
763	828132	28	Nguyễn Võ Anh Thư	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hổng
764	828133	28	Nguyễn Vũ Phương Thư	10	11	2003	Đà Nẵng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm					
765	828134	28	Phạm Lương Anh	Thư	15	10	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
766	828135	28	Phan Huỳnh Anh	Thư	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
767	828136	28	Phan Huỳnh Minh	Thư	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
768	828137	28	Phan Thị Thanh	Thư	29	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
769	828138	28	Trần Thị Minh	Thư	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
770	828139	28	Trịnh Ngọc Anh	Thư	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
771	828140	28	Võ Nguyễn Minh	Thư	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
772	828141	28	Nguyễn Minh	Thức	5	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
773	828142	28	Phạm Ngọc	Thương	29	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
774	828143	28	Phan Thảo	Thương	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
775	828144	28	Bùi Ngọc Đan	Thy	7	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
776	828145	28	Phạm Hoàng Minh	Thy	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
777	828146	28	Hà Lâm Thủy	Tiên	20	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
778	828147	28	Lê Thị Thủy	Tiên	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
779	828148	28	Nguyễn Lâm Thủy	Tiên	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
780	828149	28	Nguyễn Ngô Thủy	Tiên	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
781	828150	28	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
782	828151	28	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
783	828152	28	Nguyễn Thủy	Tiên	18	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
784	828153	28	Trịnh Thụy Thủy	Tiên	28	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
785	828154	29	Bùi Đức	Tiến	20	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
786	828155	29	Nguyễn Trần	Tiến	27	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
787	828156	29	Phạm Hoàng	Tin	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
788	828157	29	Huỳnh Trung	Tín	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
789	828158	29	Nguyễn Hoàng	Tín	24	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
790	828159	29	Bùi Đăng Bá	Toàn	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
791	828160	29	Nguyễn Quốc	Toàn	21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
792	828161	29	Tạ Bảo	Toàn	23	6	2003	Hà Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
793	828162	29	Trần Đức	Toàn	10	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
794	828163	29	Đặng Quỳnh Thiên	Trang	4	10	2003	Cần Thơ	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
795	828164	29	Nguyễn Đức Thùy	Trang	17	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
796	828165	29	Nguyễn Minh	Trang	11	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hổng
797	828166	29	Phạm Thị Thùy	Trang	10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hổng
798	828167	29	Phan Thị Thùy	Trang	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
799	828168	29	Trần Thị Huyền	Trang	17	1	2003	Hải Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
800	828169	29	Trương Thảo Trang	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
801	828170	29	Trương Thị Hoàng Trang	27	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
802	828171	29	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	16	6	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
803	828172	29	Nguyễn Võ Huyền Trâm	29	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
804	828173	29	Phan Thị Bích Trâm	31	8	2003	Vĩnh Long	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.2	Hổng
805	828174	29	Phí Thị Thùy Trâm	25	6	2003	Bình Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
806	828175	29	Sa Thị Ngọc Trâm	10	5	2003	An Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
807	828176	29	Tạ Ngọc Trâm	21	12	2003	Bình Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.4	Giỏi
808	828177	29	Trần Thị Minh Trâm	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
809	828178	29	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
810	828179	29	Lê Diễm Trân	28	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
811	828180	29	Nguyễn Bảo Trân	10	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
812	828181	29	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	7	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
813	828182	30	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
814	828183	30	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	13	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
815	828184	30	Trần Ngọc Bảo Trân	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.4	Hổng
816	828185	30	Huỳnh Minh Trí	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
817	828186	30	Lê Nho Minh Trí	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
818	828187	30	Nguyễn Minh Trí	30	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
819	828188	30	Trần Minh Trí	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
820	828189	30	Đỗ Hoàng Minh Triết	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hổng
821	828190	30	Nguyễn Minh Triết	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
822	828191	30	Nguyễn Huỳnh Phương Trinh	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
823	828192	30	Nguyễn Ngọc Trinh	16	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
824	828193	30	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	5	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
825	828194	30	Nguyễn Thị Thu Trinh	29	9	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.0	Tbình
826	828195	30	Nguyễn Thị Tú Trinh	19	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
827	828196	30	Nguyễn Vũ Ngọc Trinh	16	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
828	828197	30	Phạm Mỹ Trinh	7	1	2003	Tiền Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
829	828198	30	Phan Nguyễn Hoàng Trinh	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
830	828199	30	Trần Phương Trinh	21	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
831	828200	30	Bùi Đăng Khánh Trình	9	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
832	828201	30	Trần Bảo Trọng	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
833	828202	30	Vũ Minh Trọng	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
834	828203	30	Dương Thị Thanh Trúc	20	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
835	828204	30	Dương Thụy Thanh Trúc	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
836	828205	30	Lê Trần Thanh Trúc	22	8	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
837	828206	30	Nguyễn Đỗ Thanh Trúc	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
838	828207	30	Nguyễn Ngọc Nhã Trúc	8	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
839	828208	30	Nguyễn Thanh Trúc	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
840	828209	30	Trần Hoàng Minh Trúc	6	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
841	828210	31	Đặng Tấn Trung	30	1	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
842	828211	31	Đỗ Nguyễn Hoàng Trung	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
843	828212	31	Hứa Võ Thành Trung	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
844	828213	31	Lý Hoàng Trung	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
845	828214	31	Mai Đức Trung	12	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
846	828215	31	Nguyễn Doãn Trung	4	11	2003	Quảng Nam	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
847	828216	31	Nguyễn Ngọc Trung	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
848	828217	31	Nguyễn Thành Trung	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
849	828218	31	Vũ Đức Trung	18	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
850	828219	31	Trần Ngọc Trường	7	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
851	828220	31	Trần Xuân Trường	12	9	2003	Ninh Bình	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
852	828221	31	Đào Nhật Tú	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
853	828222	31	Đồng Thiên Tú	25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
854	828223	31	Nguyễn Minh Tú	2	3	2003	Long An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
855	828224	31	Nguyễn Ngọc Anh Tú	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
856	828225	31	Phạm Nhật Tú	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
857	828226	31	Trần Anh Tú	10	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
858	828227	31	Trần Ngọc Thanh Tú	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
859	828228	31	Vì Đức Tuấn	10	9	2003	Yên Bái	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
860	828229	31	Vũ Đức Tuấn	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
861	828230	31	Đỗ Hoàng Anh Tuấn	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
862	828231	31	Hoàng Minh Tuấn	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
863	828232	31	Lê Anh Tuấn	24	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.8	Khá
864	828233	31	Lý Hoàng Anh Tuấn	18	8	2003	Trà Vinh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
865	828234	31	Nguyễn Đức Anh Tuấn	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
866	828235	31	Phạm Thanh Tuấn	25	2	2003	Long An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
867	828236	31	Tạ Huỳnh Quang Tuấn	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
868	828237	31	Trần Thế Tuấn	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
869	828238	32	Vũ Minh Tuấn	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
870	828239	32	Lê Đình Minh Tuệ	17	4	2003	Tiền Giang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
871	828240	32	Trần Trọng Tuệ	27	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
872	828241	32	Hà Thanh Tùng	9	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
873	828242	32	Mai Hoàng Tùng	20	12	2003	Nghệ An	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
874	828243	32	Trần Tuấn Tùng	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
875	828244	32	Vũ Hoàng Tùng	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
876	828245	32	Nguyễn Thị Bích Tuyền	14	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
877	828246	32	Đỗ Ánh Tuyết	2	8	2003	Thanh Hóa	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
878	828247	32	Hoàng Mạnh Tường	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
879	828248	32	Trần Vĩ Cát Tường	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
880	828249	32	Đinh Thị Phương Uyên	14	8	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học		
881	828250	32	Đỗ Tổ Uyên	24	9	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
882	828251	32	Huỳnh Tú Uyên	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
883	828252	32	Lê Nguyễn Thục Uyên	29	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
884	828253	32	Lương Nhật Uyên	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
885	828254	32	Nguyễn Hải Nhã Uyên	17	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
886	828255	32	Nguyễn Ngọc Chu Uyên	21	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
887	828256	32	Nguyễn Ngọc Duy Uyên	23	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	9.0	Giỏi
888	828257	32	Nguyễn Ngọc Tú Uyên	31	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
889	828258	32	Nguyễn Thảo Uyên	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
890	828259	32	Nguyễn Võ Hoàng Uyên	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
891	828260	32	Phạm Phương Uyên	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
892	828261	32	Trần Mỹ Uyên	8	1	2003	Bến Tre	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
893	828262	32	Trần Ngọc Uyên	22	5	2003	Bình Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
894	828263	32	Trần Thị Như Uyên	15	3	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
895	828264	32	Võ Thị Tố Uyên	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
896	828265	32	Vũ Thảo Hương Uyên	28	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.8	Khá
897	828266	33	Đổng Văn Văn	18	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
898	828267	33	Võ Huệ Văn Văn	22	3	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
899	828268	33	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	17	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
900	828269	33	Nguyễn Thị Bé Vân	25	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
901	828270	33	Thân Nguyễn Thùy Vân	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
902	828271	33	Trần Khánh Vân	4	6	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
903	828272	33	Nguyễn Ngọc Thúy Vi	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
904	828273	33	Nguyễn Thanh Vi	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
905	828274	33	Trương Ngọc Hoài Vi	18	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
906	828275	33	Đông Mạnh Quang Việt	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
907	828276	33	Nguyễn Hoàng Việt	20	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
908	828277	33	Tăng Vũ Quốc Việt	28	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
909	828278	33	Trần Hoàng Quốc Việt	12	3	2003	Hung Yên	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
910	828279	33	Bùi Quang Vinh	21	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.6	Tbình
911	828280	33	Huỳnh Thái Vinh	18	6	2003	Lâm Đồng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
912	828281	33	Nguyễn Ngọc Vinh	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình
913	828282	33	Nguyễn Quang Vinh	29	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
914	828283	33	Nguyễn Văn Vinh	20	3	2003	Đắk Lắk	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
915	828284	33	Phan Nguyễn Quang Vinh	24	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
916	828285	33	Trần Trọng Gia Vinh	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
917	828286	33	Bùi Tấn Võ	26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
918	828287	33	Đỗ Quang Vũ	28	11	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
919	828288	33	Nguyễn Duy Vũ	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
920	828289	33	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
921	828290	33	Nguyễn Hoàng Nguyên Vũ	14	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
922	828291	33	Nguyễn Huỳnh Anh Vũ	7	4	2003	Bạc Liêu	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
923	828292	33	Nguyễn Trần Kim Vũ	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
924	828293	33	Đặng Công Vương	19	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
925	828294	34	Nguyễn Thị Kim Vương	30	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
926	828295	34	Bùi Thảo Vy	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
927	828296	34	Đàm Ngọc Vy	14	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
928	828297	34	Đào Lê Thúy Vy	7	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
929	828298	34	Lâm Yến Vy	22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
930	828299	34	Lê Nguyễn Thanh Vy	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
931	828300	34	Lê Thụy Xuân Vy	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
932	828301	34	Nguyễn Đỗ Ngọc Vy	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
933	828302	34	Nguyễn Hà Đan Vy	1	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
934	828303	34	Nguyễn Hoàng Bảo Vy	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
935	828304	34	Nguyễn Hoàng Thúy Vy	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
936	828305	34	Nguyễn Lan Vy	24	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
937	828306	34	Nguyễn Lâm Thảo Vy	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.4	Tbình
938	828307	34	Nguyễn Loan Vy	9	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
939	828308	34	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	21	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.0	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
940	828309	34	Nguyễn Ngọc Tường Vy	15	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
941	828310	34	Nguyễn Nguyễn Thanh Vy	19	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.4	Tbình
942	828311	34	Nguyễn Phan Yến Vy	18	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.2	Tbình
943	828312	34	Nguyễn Thanh Vy	20	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.6	Tbình
944	828313	34	Nguyễn Thị Lê Vy	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
945	828314	34	Nguyễn Thị Yến Vy	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
946	828315	34	Nguyễn Tường Vy	27	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.8	Hổng
947	828316	34	Phạm Lê Thanh Vy	20	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
948	828317	34	Phạm Thanh Vy	18	9	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
949	828318	34	Phan Vũ Thanh Vy	6	7	2003	Bình Dương	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.6	Hổng
950	828319	34	Trần Nguyễn Ái Vy	7	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá
951	828320	34	Trần Quỳnh Thảo Vy	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
952	828321	34	Trần Thanh Vy	27	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.8	Tbình
953	828322	35	Trần Thị Thảo Vy	8	6	2003	Đồng Nai	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
954	828323	35	Trần Yến Vy	16	12	2003	Nam Định	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
955	828324	35	Vũ Triệu Vỹ	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.2	Khá
956	828325	35	Nguyễn Thị Tuyết Xinh	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.2	Khá
957	828326	35	Huỳnh Thanh Xuân	29	10	2003	Quảng Ngãi	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
958	828327	35	Lý Ngọc Hương Xuân	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.6	Khá
959	828328	35	Nguyễn Ánh Xuân	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.0	Khá
960	828329	35	Nguyễn Hoàng Như Xuân	15	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.4	Khá
961	828330	35	Vũ Minh Phương Xuân	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.6	Khá
962	828331	35	Bùi Ngọc Yến	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.8	Tbình
963	828332	35	Đinh Lê Hoàng Yến	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
964	828333	35	Đỗ Thị Kim Yến	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	6.2	Tbình
965	828334	35	Nguyễn Trần Hải Yến	10	3	2003	Hà Tây	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá
966	828335	35	Tạ Thị Hải Yến	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Trực	Tin học	7.4	Khá

TỔNG KẾT

Tổng số thí sinh trong danh sách:	966
- Số thí sinh dự thi:	960
- Số thí sinh vắng:	6
- Số thí sinh hỏng:	47
- Số thí sinh đạt:	913
+ Xếp loại Giỏi:	13
+ Xếp loại Khá:	496
+ Xếp loại Tbình:	404

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Cao Minh Quý